

## MỘT VÀI NHẬN ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC BẢO TỒN DI TÍCH HIỆN NAY

**Trần Thanh Hoàng Phúc**

Tháng 9/2017, tôi có may mắn được tham gia khóa tập huấn ngắn hạn về bảo tồn kiến trúc gỗ truyền thống tại Nhật Bản - quốc gia đã và đang làm rất tốt công tác bảo tồn cả di sản văn hóa vật thể cũng như phi vật thể. Trong một tháng ngắn ngủi của khóa tập huấn, tôi đã học hỏi và hiểu rõ hơn phần nào về lịch sử, văn hóa, hệ kết cấu gỗ, vật liệu xây dựng và kỹ thuật trùng tu của Nhật.

Người Nhật rất nỗ lực trong việc bảo tồn di sản kiến trúc, điều đó thể hiện qua các điều luật về bảo tồn di sản. Ngay từ năm 1871 đã có những tuyên cáo về bảo tồn cổ tích. Năm 1897 có luật bảo tồn lăng tẩm, đền miếu; các điều luật cho các loại hình di tích khác: các địa điểm lịch sử, di sản văn hóa phi vật thể, khu bảo tồn các di tích lịch sử... tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện vào năm 2004 với luật bảo tồn cảnh quan văn hóa. Chính quyền các địa phương cũng rất quan tâm đến việc gìn giữ và bảo tồn di sản văn hóa. Rất nhiều hiện vật, di tích từ thế kỷ VII, VIII vẫn còn được lưu giữ và bảo quản trong tình trạng rất tốt. Những công trình kiến trúc công cộng, nhà cửa gắn với phong tục, tập quán, hoạt động, lễ hội hàng năm của người dân... là những di sản văn hóa quan trọng được xác lập cụ thể, tạo cơ sở thuận lợi cho công việc bảo tồn. Việc đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên làm công tác tu sửa, tôn tạo, các kỹ thuật tu

sửa, tôn tạo cũng được quan tâm thỏa đáng. Điều này gây ấn tượng rất mạnh với tôi bởi ở Việt Nam, việc bảo tồn di sản văn hóa cũng giành được sự quan tâm nhất định, tuy nhiên, vì chiến tranh kéo dài và một số nguyên nhân chủ quan khác, mãi đến năm 1945 mới có sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ lâm thời về bảo tồn cổ tích, năm 1984 mới có pháp lệnh về việc bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh. Đến năm 2001, luật di sản văn hóa Việt Nam mới được thông qua.

Các chuyến đi thực tế trong khóa học đến các di tích giúp tôi hiểu được tổng quan đặc tính kiến trúc truyền thống của Nhật Bản: kiến trúc luôn hòa hợp với cảnh quan thiên nhiên, hoa mỹ và rất quan tâm đến chi tiết. Vật liệu xây dựng chính là gỗ, bởi quốc gia này có rất nhiều rừng (*thường là gỗ bách, thông, tuyết tùng và long não, các loại gỗ này mềm hơn so với gỗ Việt Nam như lim, kiền kiền...*). Vật liệu lợp mái truyền thống là vật liệu hữu cơ như rơm rạ, các tấm vỏ cây thân gỗ. Hệ khung kết cấu gỗ rất hoàn thiện, được liên kết vững chắc bằng kỹ thuật ghép, nối mộng đa dạng, phức tạp (*điều này cũng tạo thuận lợi cho việc tháo lắp và sửa chữa, tu bổ*), tạo nên những công trình kiến trúc có phần thân rất vững chắc, hạn chế được các tác động của động đất, hệ chông rui giúp phân mái vươn

xa, bay bổng. Trong các ngôi đền, tường trắng – hệ khung gỗ đỏ, hoa văn trang trí trên gỗ gây ấn tượng thị giác mạnh, trong khi ở các ngôi nhà bản địa thường sử dụng màu sắc tự nhiên của vật liệu tạo sự giản dị, gần gũi. Tuy nhiên, các vật liệu này (*gỗ, rom ra, vỏ cây...*) có nhược điểm là dễ mục, dễ cháy nên việc tu bổ và xây cất lại các công trình kiến trúc gỗ hoặc lợp lại mái cần được tiến hành theo định kỳ. Kiến trúc truyền thống Nhật Bản và Việt Nam có nhiều nét tương đồng nhưng cũng có rất nhiều điều khác biệt, bởi nhiều yếu tố: khí hậu, văn hóa, địa lý, vật liệu, kỹ thuật xây dựng...

Trông người rồi ngắm đến ta! Tôi đã có cái nhìn rộng hơn về công tác bảo tồn kiến trúc gỗ, các cách tiếp cận vấn đề từ khóa tập huấn, tuy nhiên, thật khó để nói có thể áp dụng nó vào công tác bảo tồn ở Hội An. Áp dụng những điều này vào thực tế hiện nay còn là chặng đường dài của hoạt động bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam nói chung và đô thị cổ Hội An nói riêng, bởi mỗi quốc gia đều có sự khác biệt về kiến trúc, đặc tính lịch sử, văn hóa và cả điều kiện kinh tế, kỹ thuật. Qua khóa tập huấn, đối chiếu với công tác bảo tồn ở Hội An hiện nay, tôi có một vài nhận định như sau:

Công tác bảo tồn ở Nhật Bản rất coi trọng việc giữ gìn tính chân xác. Trùng tu di tích là một quá trình kéo dài và tốn kém, kế hoạch trùng tu, sửa chữa được thực hiện chi tiết, từ công tác chuẩn bị hồ sơ đến công tác xây dựng các phương án tu bổ rất kỹ lưỡng và

thận trọng. Với từng loại hình di tích khác nhau có cách ứng xử riêng biệt nhưng phải đảm bảo những nguyên tắc bảo tồn chính yếu sau: tận dụng tối đa các yếu tố nguyên gốc; nghiên cứu và mô phỏng các phương pháp, kỹ thuật cổ truyền; cân nhắc tỉ mỉ về chính sách trùng tu; làm tư liệu chi tiết trong suốt quá trình tu bổ. Công việc phục chế, tu sửa, bảo dưỡng các công trình kiến trúc công cộng và tư nhân có giá trị lịch sử - văn hóa đều phải tuân thủ các quy định nghiêm ngặt dưới sự chỉ đạo, thẩm định của hội đồng chuyên môn kết hợp giữa Nhà nước và địa phương, nhờ vậy mà các đặc trưng vốn có của các công trình kiến trúc ở mỗi vùng miền, các giá trị văn hóa được giữ gìn nguyên vẹn. Đối với những ngôi nhà cổ mang đậm đặc trưng văn hóa truyền thống (*như ở phố cổ Takayama, làng cổ Shirakawa-go...*), người dân sẽ được Nhà nước và địa phương hỗ trợ về mặt tài chính để thực hiện tu bổ. Việc quản lý rủi ro (*hỏa hoạn, động đất...*) ở các khu di sản cũng được đặc biệt quan tâm. Người dân có ý thức rất cao trong việc giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Hoạt động trùng tu di tích ở Hội An trong thời gian qua luôn được các cấp, ngành chức năng quan tâm một cách đặc biệt, được sự hỗ trợ về chuyên môn, kỹ thuật của các chuyên gia quốc tế về bảo tồn di tích kiến trúc gỗ, đặc biệt là của các chuyên gia Nhật Bản, do đó đã được các cơ quan, tổ chức quản lý, bảo tồn di tích trong và ngoài nước đánh giá cao. Tuy nhiên, công tác bảo tồn di tích ở Hội An hiện đang đối mặt

với nhiều khó khăn, thách thức đến từ nhiều nguyên nhân khác nhau: sự xuống cấp hiển nhiên của di tích theo thời gian, tác động của yếu tố tự nhiên, và đặc biệt là áp lực phát triển kinh tế xã hội cùng với những nhu cầu của cuộc sống ngày càng hiện đại... Và phải thừa nhận rằng, tính chân xác trong công tác tu bổ ở Hội An cho đến nay vẫn chưa được quan tâm đúng mức.

Những khó khăn về vật liệu dùng trong tu bổ di tích ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và tuổi thọ công trình tu bổ. Cấu kiện với chất liệu/vật liệu gốc với kỹ thuật truyền thống phải giữ lại tối đa, tuy nhiên nếu không có phương pháp xử lý hiệu quả, thích hợp (*như dùng hóa chất giúp bảo quản, gia cường, tăng thêm độ bền cấu kiện*) đối với các chất liệu/vật liệu gốc vốn đã cũ kỹ, rệu rã thì việc sử dụng lại các cấu kiện này không đảm bảo an toàn (*nhất là đối với các ngôi nhà gỗ có nhiều người sinh hoạt bên trong*), chỉ sau một thời gian ngắn thì tiếp tục bị xuống cấp và cần phải tu bổ gấp. Với các cấu kiện cần thay thế: chất liệu/vật liệu mới theo kỹ thuật truyền thống buộc phải sử dụng để thay thế vật liệu/chất liệu cũ/gốc hiện nay rất khó hoặc không có để mua, sử dụng, hơn nữa, nếu có thì chất lượng cũng không tốt, không thật sự đảm bảo so với trước đây, như: ngói âm dương, gạch, gỗ, vữa vôi truyền thống; vật liệu dùng để sơn, quét bảo quản các cấu kiện gỗ như dầu mù u, dầu rái, sơn ta... cũng rất hạn chế sản xuất, sử dụng.

Như vậy các công trình được gọi

là tu bổ, tôn tạo, hay phục hồi di tích hiện nay phải sử dụng vật liệu không đạt yêu cầu về chất lượng, cả chủng loại. Việc sử dụng các công cụ, máy móc, đặc biệt là máy móc gia công gỗ để phục vụ thi công vẫn khá phổ biến. Tay nghề của đội ngũ thợ thi công tu bổ còn nhiều hạn chế, rất hiếm thợ lành nghề (*nghệ nhân*). Bên cạnh đó, một khó khăn không thể không kể đến, đó là nhiều khi có sự không tương thích giữa nguyện vọng, mục tiêu bảo tồn của cơ quan quản lý, cán bộ bảo tồn với mong muốn của chủ di tích, của người dân bởi họ là người trực tiếp quản lý, sử dụng, sinh sống bên trong những di tích đó, lợi ích kinh tế của họ gắn chặt với di tích.

Ngoài ra, cơ chế quản lý đầu tư tu bổ di tích hiện nay vẫn đang được áp dụng theo quy trình quản lý đầu tư xây dựng cơ bản (*như các công trình xây dựng mới*), cho nên việc triển khai các hoạt động nghiệp vụ mang tính khoa học trong tu bổ di tích rất khó thực hiện. Nguồn kinh phí trùng tu cũng là một khó khăn lớn đối với chính quyền và người dân. Kinh nghiệm, chuyên môn của đội ngũ thợ thi công tu bổ, đội ngũ cán bộ kỹ thuật quản lý trùng tu vẫn còn những hạn chế nhất định.

Như vậy, với những tồn tại kể trên, di tích sau khi được tu bổ, sửa chữa, dù được hướng dẫn cấp phép hay lên lút tự phát cũng sẽ dần bị trẻ hóa và trở nên xa lạ với chính cái gốc của nó và với cả khu đô thị di sản. Các di sản kiến trúc luôn phải đối mặt với nguy cơ ngày càng suy giảm giá trị, thậm chí sẽ chỉ như cái hình mẫu không hồn. Điều này góp phần làm

giảm đi rất nhiều tính chân xác trong tu bổ di tích, một yếu tố rất quan trọng để đánh giá kết quả công tác bảo tồn, trùng tu.

Trong những năm qua, chính quyền Hội An đã và đang làm những gì tốt nhất trong khả năng, cố gắng tập trung mọi nguồn lực tài chính, kêu gọi sự đầu tư trong và ngoài nước để có nguồn kinh phí hỗ trợ người dân trong công tác tu bổ các di tích, tuy nhiên, kết quả đạt được vẫn chưa thật sự “tròn trịa” như mong muốn. Để khắc phục một phần nào những hạn chế nêu trên, để làm tốt hơn công tác bảo tồn ở Hội An trong thời gian đến, thiết nghĩ chúng ta cần xem xét thực hiện một số nội dung sau:

- Ưu tiên sử dụng vật liệu truyền thống và phương pháp, kỹ thuật truyền thống trong bảo quản và tu bổ di tích nói chung cũng như hiện vật của di tích nói riêng.

- Việc tu bổ, tôn tạo phải thực hiện trên cơ sở điều tra khoa học kỹ lưỡng, từ đó đề xuất phương án bảo quản, tu bổ chính xác.

- Có kế hoạch đảm bảo nguồn cung ứng vật liệu phục vụ công tác bảo tồn, như: trồng rừng lấy gỗ xây dựng, các loại sơn phủ truyền thống bảo vệ gỗ (*dầu mù u, sơn ta...*).

- Tăng cường kinh phí cho việc tu bổ. Làm tốt công tác bảo tồn, nhất là với các công trình kiến trúc gỗ như Nhật Bản và một số quốc gia khác luôn là mục tiêu hướng đến của những người làm công tác bảo tồn ở Hội An.

- Có các chính sách phù hợp hơn

cho công tác tu bổ (*cơ chế quản lý đầu tư tu bổ di tích*).

- Có chính sách đãi ngộ tốt các nghệ nhân nghề truyền thống (*nghề nhân làm mộc, lợp ngói âm dương...*). Khuyến khích đào tạo và đãi ngộ những người trẻ theo học các nghề truyền thống, đội ngũ thợ lành nghề kế cận làm việc trong lĩnh vực bảo tồn.

Bên cạnh đó, việc xây nhà bao che di tích khi tu bổ cũng cần xem xét thực hiện khi tu bổ các di tích sở hữu cộng đồng (*đình, miếu...*) do Nhà nước làm chủ đầu tư để giữ gìn, bảo quản các cấu kiện tốt hơn trong suốt quá trình tu bổ. Với các di tích thuộc sở hữu tư nhân thì khó thực hiện điều này, bởi các ngôi nhà sát vách nhau, không gian chật hẹp, hơn nữa, xây dựng nhà bao che sẽ làm tăng kinh phí tu bổ, đồng nghĩa với việc người dân phải trả nhiều tiền hơn, và họ thường không thích điều đó.

Những đề xuất trên có thể không mới với các vị lãnh đạo của Thành phố, với các cán bộ đang công tác trong lĩnh vực bảo tồn, tuy nhiên cho đến nay, chúng vẫn chưa được sự quan tâm đúng mức, đầy đủ. Hy vọng trong thời gian đến, công tác bảo tồn di tích ở Hội An sẽ có những chuyển biến tích cực, khởi sắc hơn so với những gì mà chúng ta đã và đang đạt được ♦